



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Cấp thoát nước Long An

Ngày 31/03/2024	25,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	5.0%	30.2%

DT thuần Q1/24
78.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.90 9.7%
YoY: ▲ 14.0 21.8%

LN thuần Q1/24
5.39
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.63 266%
YoY: ▲ 4.12 324%

LN sau thuế Q1/24
5.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.1 188%
YoY: ▲ 0.85 19.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
7.8%
YoY: +/- ▲ 10.5%

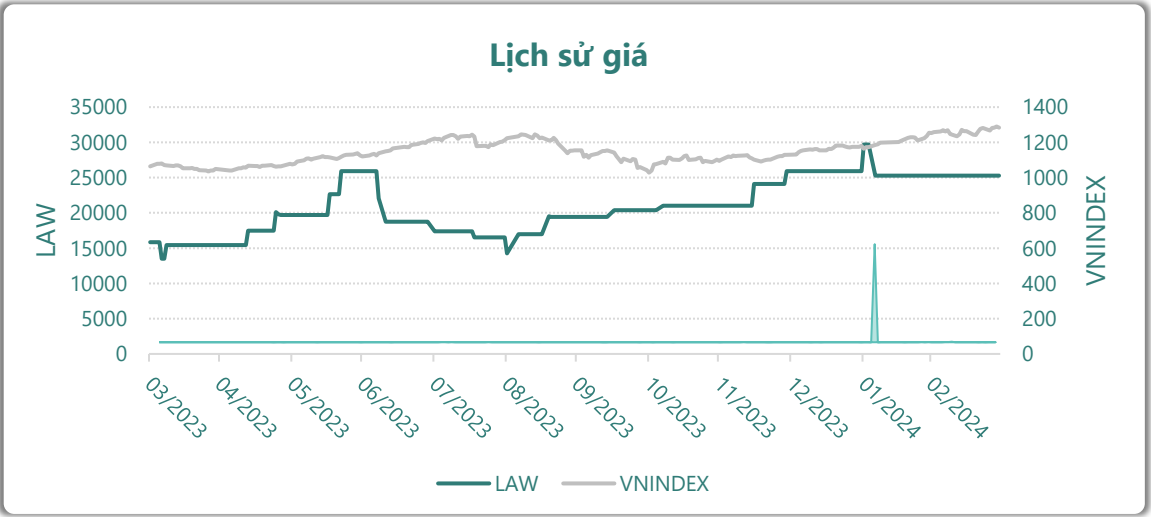
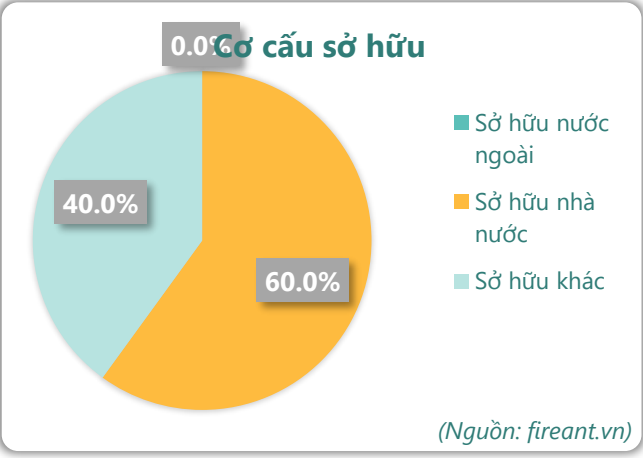
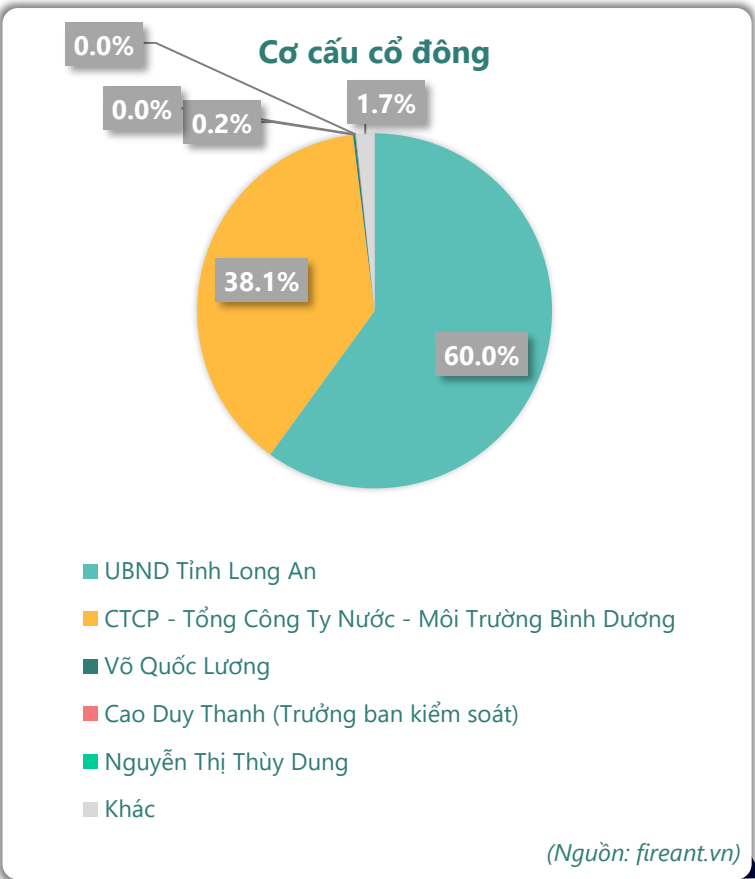
ROE (TTM) Q1/24
8.3%
YoY: +/- ▲ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,503 - 29,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	309
Số lượng CPLH (CP)	12,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.15)
EPS	1,189
P/E	21.3

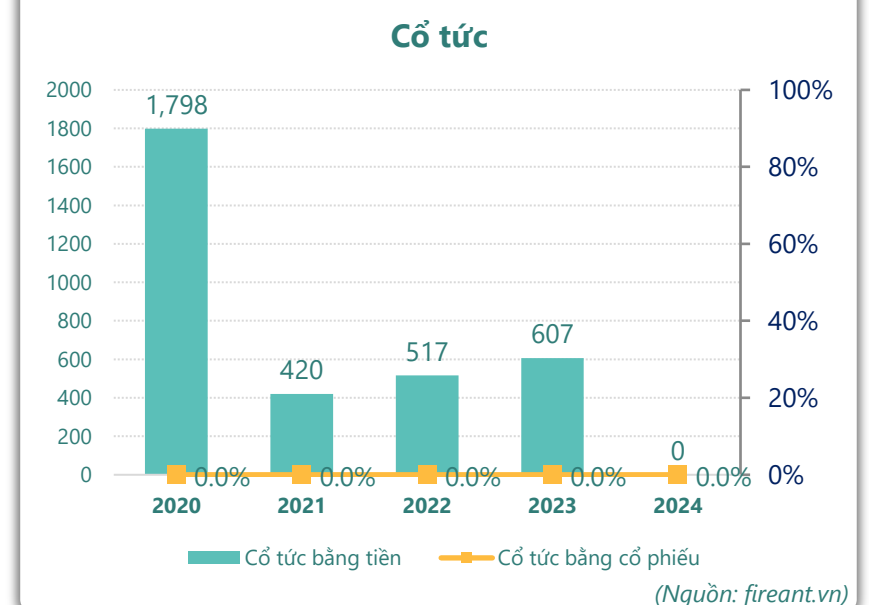
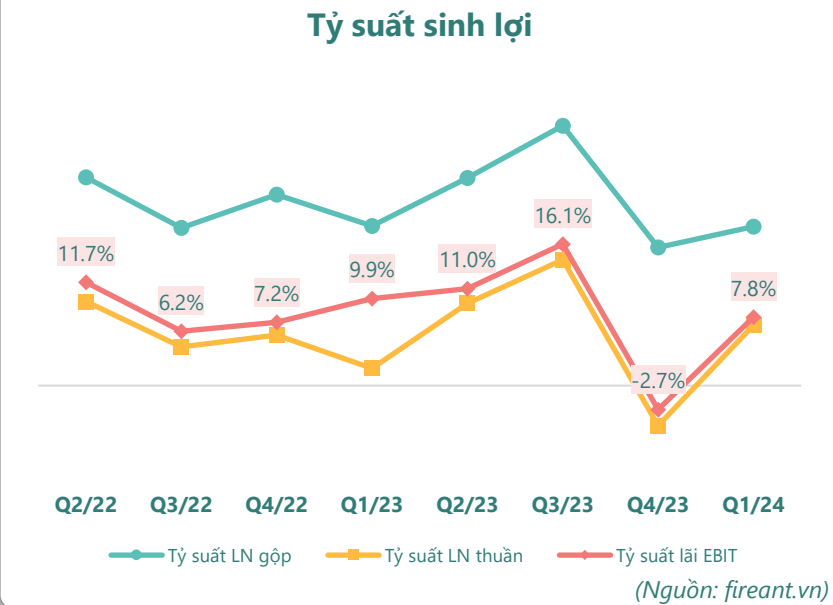
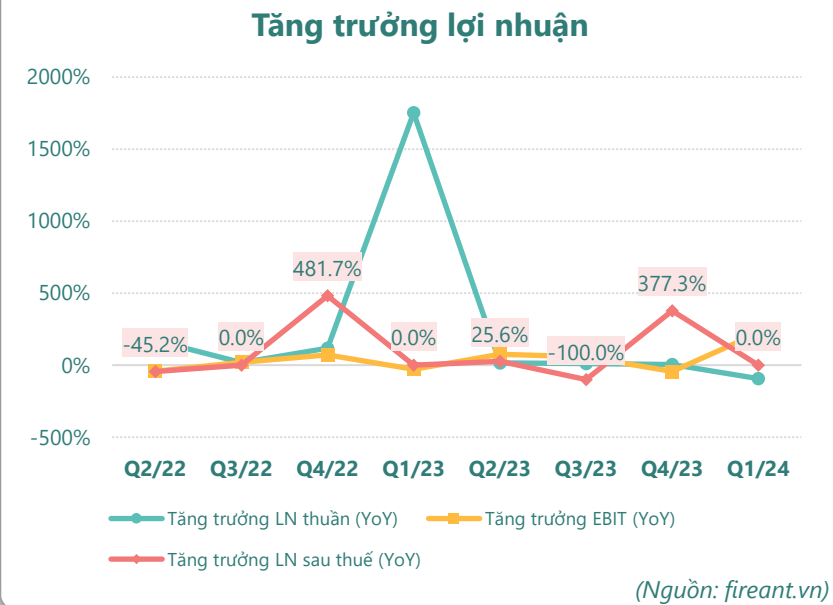
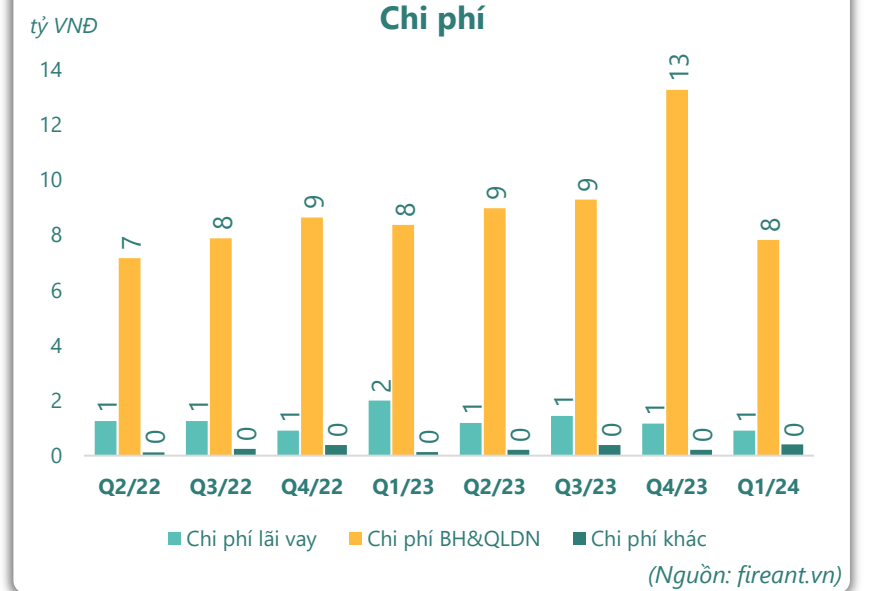
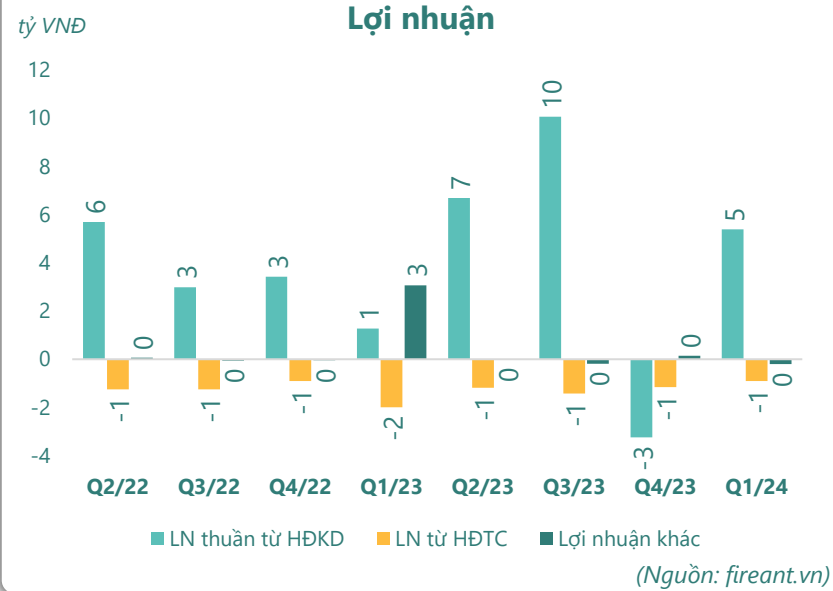
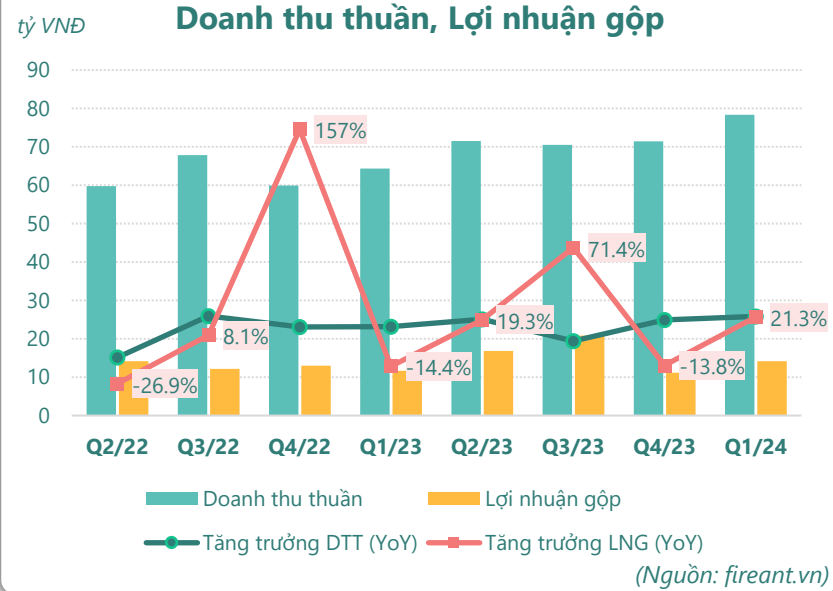
DT thuần 2023
278
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.0 13.3%

LN thuần 2023
14.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.90 -5.6%

LN sau thuế 2023
14.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00 7.5%



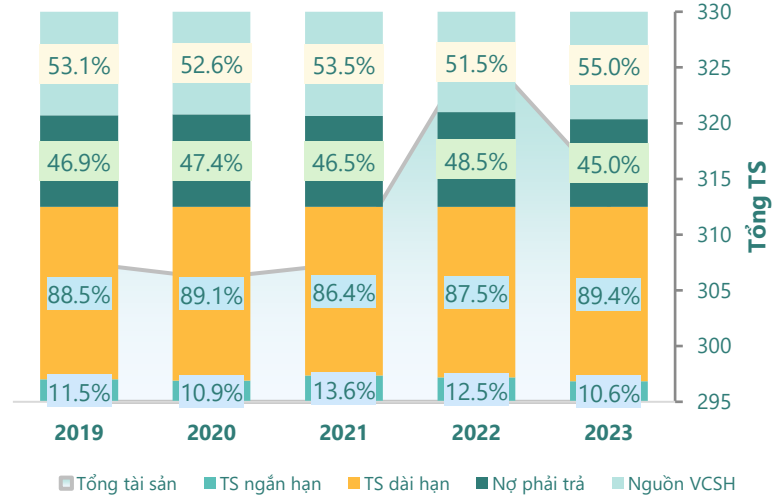
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

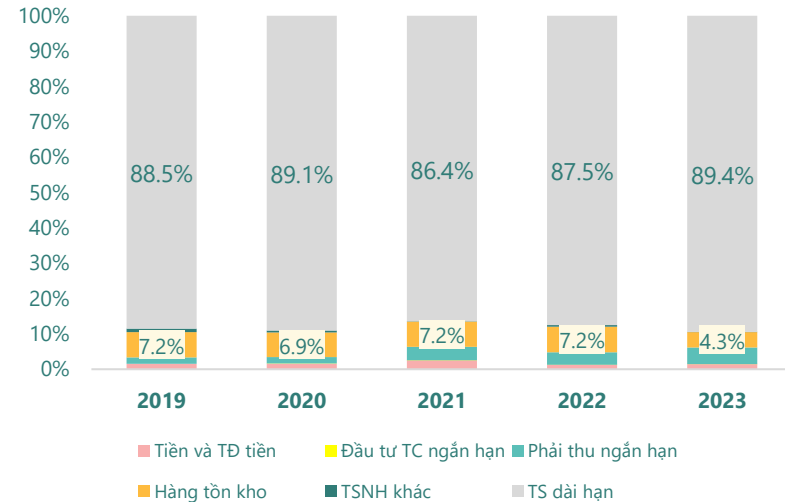
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

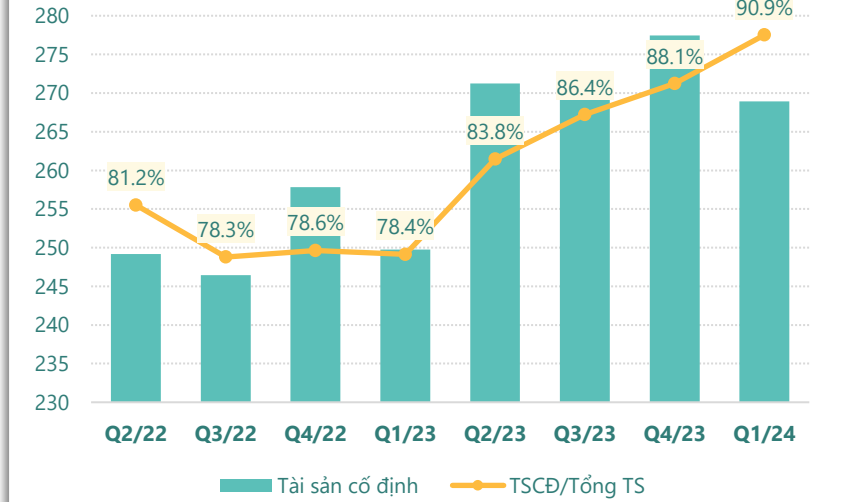
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

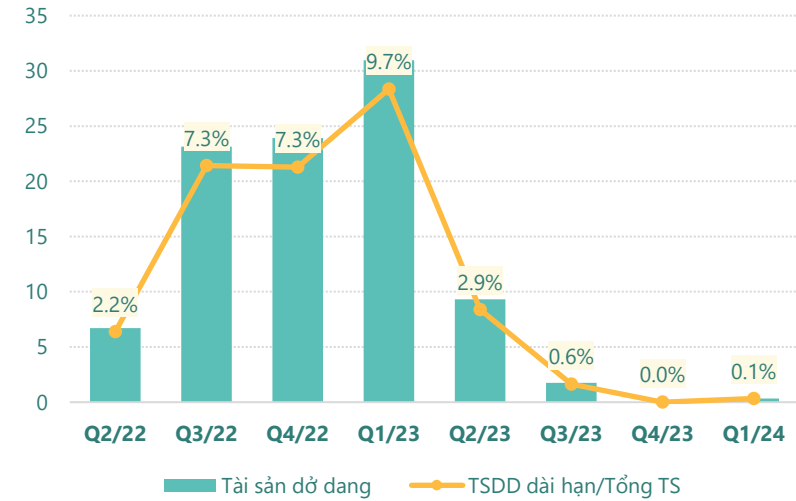
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

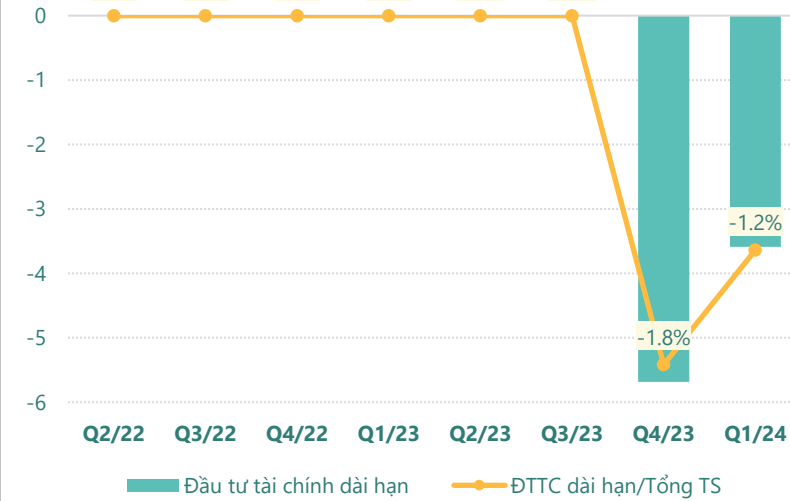
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

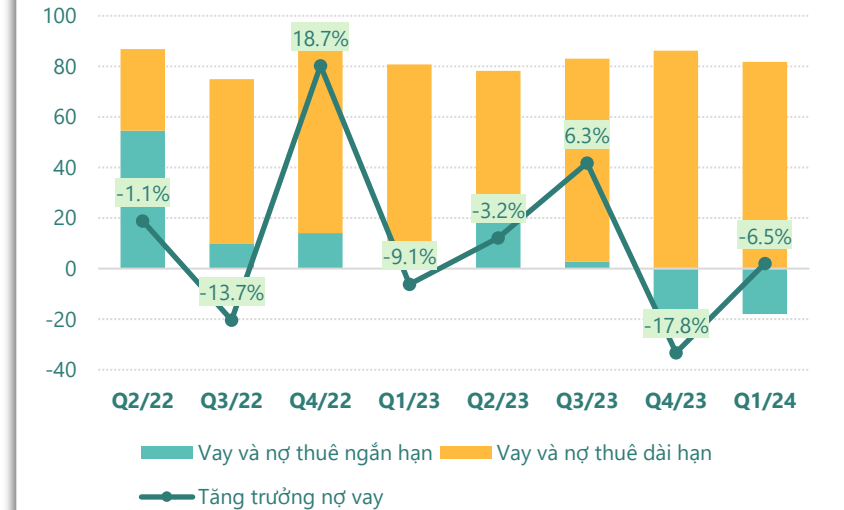
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

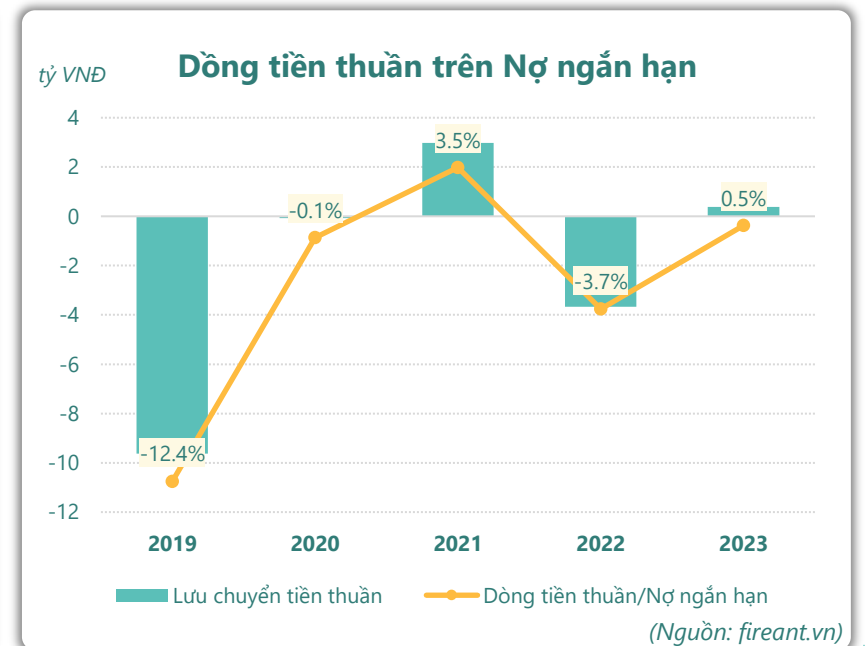
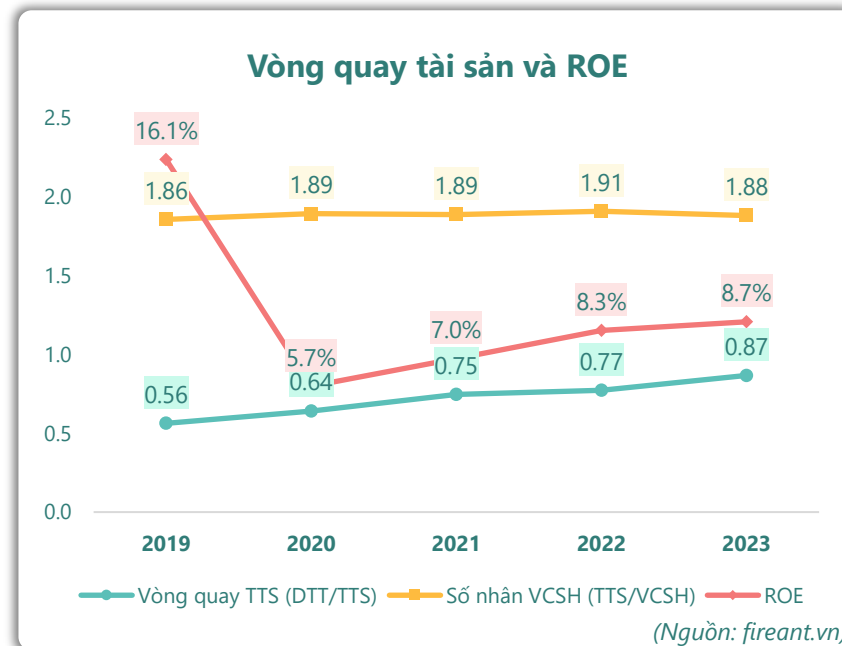
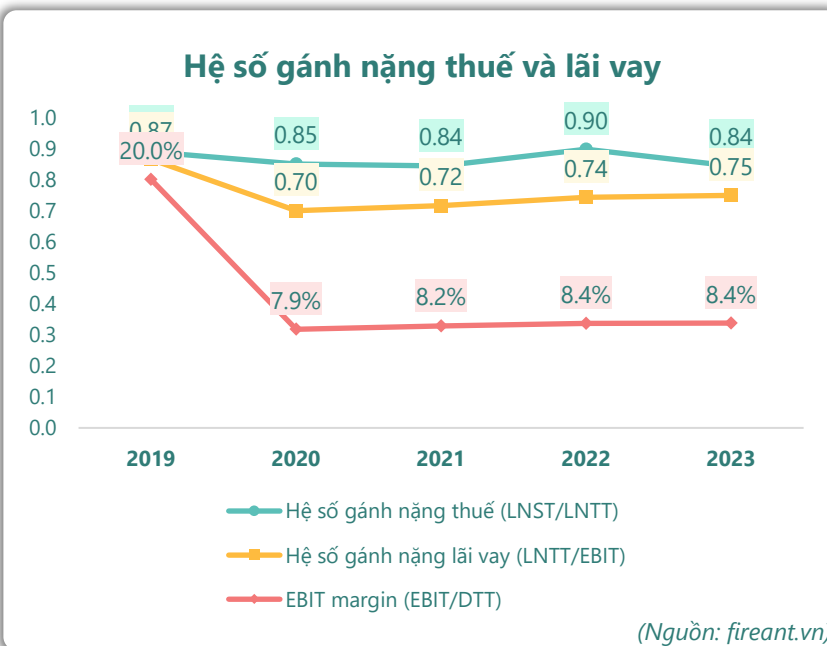
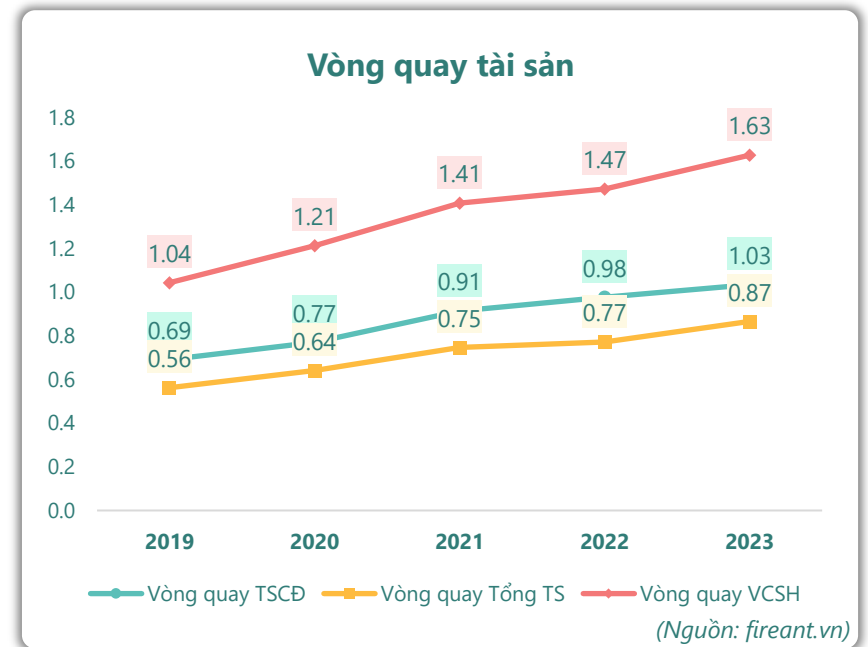
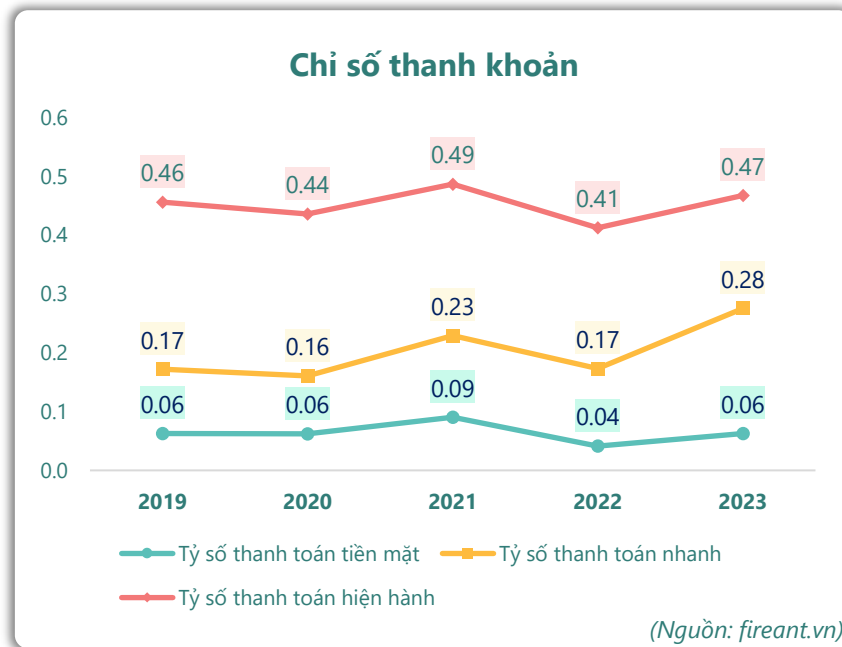
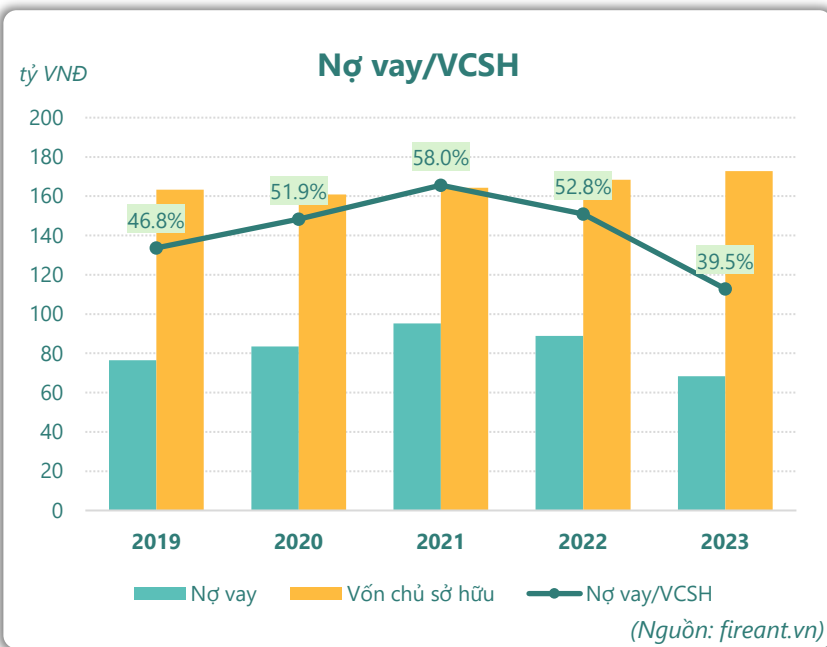
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	78.3	64.3	21.8%	278	245	13.3%
Giá vốn hàng bán	64.2	52.7	21.8%	218	193	13.0%
Lợi nhuận gộp	14.1	11.6	21.8%	60.2	52.5	14.6%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	-49.7%	0.03	0.02	14.1%
Chi phí TC	0.91	2.00	-54.6%	5.87	5.30	10.8%
Chi phí lãi vay	0.91	2.00	-54.6%	5.87	5.30	10.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.37	3.43	-1.6%	19.5	13.1	49.3%
Chi phí QLDN	4.46	4.95	-9.9%	20.3	18.7	8.1%
LN thuần từ HĐKD	5.39	1.27	324%	14.5	15.4	-5.6%
Lợi nhuận khác	-0.20	3.07	-106%	3.02	-0.05	6470%
LN trước thuế	5.19	4.34	19.5%	17.6	15.4	14.4%
Lợi nhuận sau thuế	5.19	4.34	19.5%	14.8	13.8	7.5%
LNST của CĐ cty mẹ	5.19	4.34	19.5%	14.8	13.8	7.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.5	40.7	7.33	27.0	30.9	9.35
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-34.8	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.8	-39.8	29.1	-27.1	-32.9	-8.28
Tiền đầu kỳ	2.04	3.74	4.60	6.20	6.10	4.11
Lưu chuyển tiền thuần	1.70	0.86	1.60	-0.12	-1.98	1.08
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.74	4.60	6.54	6.08	4.11	5.19

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	296	314	-5.8%
Tài sản ngắn hạn	38.7	33.2	16.6%
Tiền và tương đương tiền	5.66	4.46	26.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.12	-100%
Phải thu ngắn hạn	16.1	14.7	9.9%
Hàng tồn kho	16.7	13.6	22.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.23	0.30	-23.9%
Tài sản dài hạn	257	281	-8.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	269	279	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.32	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	-3.59	0	
Tài sản dài hạn khác	-8.53	1.75	-586%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	118	141	-16.6%
Nợ ngắn hạn	21.7	71.0	-69.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	-18.0	11.8	-253%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.5	39.1	-37.4%
Nợ dài hạn	96.1	70.3	36.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	81.8	56.5	44.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	178	173	3.0%
Vốn chủ sở hữu	178	173	3.0%
Vốn điều lệ	122	122	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

